

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

**HUYỆN TỨ KỲ**  
**TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2024

“V/v: Ly hôn, trA chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DA**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị A - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* A Đinh Văn T, sinh năm 1985

Đều cư trú tại: thôn Đồng T, xã Tiên Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

(Tại phiên tòa vắng mặt chị A, A T).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và A Đinh Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/5/2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, A T chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần phải bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị phải nuôi con, bản thân A T cũng không muốn xây dựng hay hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không tôn trọng nhau,

nghe ngờ lẫn nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với A T không còn nên có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A T.

+ Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Đinh Phi H, sinh ngày 05/3/2010 và Đinh Thế A, sinh ngày 21/01/2015. Hiện nay cháu Hùng đang ở với A T và bà nội còn cháu An đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu An cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hùng cho A T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn A Đinh Văn T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: A T xác nhận lời trình bày của chị A về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng A xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ có chị A thời gian gần đây A không biết lý do vì sao lại đi vay mượn khắp nơi nên dẫn đến nợ nần suy nghĩ bị trầm cảm, mặc dù vậy nhưng A vẫn tha thứ cho chị, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì. A đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng A đoàn tụ.

+ Về con chung: A T xác nhận lời trình bày của chị A về số lượng con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung là đúng. Hiện cháu Hùng đang ở với A, còn cháu An đang ở với chị A. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn A thì A đề nghị A nuôi cháu Hùng còn chị A nuôi cháu An, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Biên bản xác minh tại UBND xã Tiên Động thể hiện:* Chị A và A T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 28/5/2009. Quá trình sinh sống tại xã vợ chồng không có mâu thuẫn gì, gần đây địa phương có nắm được qua lời trình bày của A T về mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai A chị chơi bời, nợ nần, chị A sau khi làm đơn xin ly hôn A T thì bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị A có đơn xin ly hôn A T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung A chị có 02 con chung như A chị trình bày là đúng, hiện cháu Hùng đang ở với A T còn cháu An ở cùng chị A. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị A ly hôn A T thì đề nghị giải quyết về con chung theo quy định và theo nguyện vọng của các cháu.

- *Biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Nhung là mẹ đẻ A T và là mẹ chồng chị A thể hiện:* A T, chị A kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Động. Sau khi kết hôn, A chị sống chung với bà, cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tháng 8/2023 A T đi làm ăn xa, đến khi biết tin chị A làm đơn xin ly hôn A thì A đã về nhà để làm ăn, không đi làm ăn xa nữa. Bà xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì và đề nghị chị A suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung, chị A và A T có 02 con chung như A chị trình bày, bà

mong muốn các con được sống cùng bố mẹ, còn nếu trường hợp chị A kiên quyết muốn ly hôn bà đề nghị để cháu Hùng ở với A T còn cháu An ở với chị A, bà sẽ giúp đỡ A T trong việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hùng.

Tại phiên toà, Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị A ly hôn A Đình Văn T. Về con chung: Giao con chung là Đình Phi H, sinh ngày 05/3/2010 cho A Đình Văn T nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Đình Thế A, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị A và A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị A, A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung giữa chị và A Đình Văn T, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án A T cư trú tại thôn Đồng T, xã Tiên Đ, huyện Tứ K. Do đó, TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị A và A Đình Văn T đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa do Tòa án gửi. Chị A có đề nghị xét xử vắng mặt, A T vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị A, A T theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và A Đình Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2009 tại UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị A trình bày nguyên nhân do cả hai cùng chơi bời nợ nần không lo toan kinh tế, A T không quan tâm đến gia đình, một mình chị phải nuôi con, bên cạnh đó A T có những lời nói không đúng về chị với mọi người như chị chơi bời nợ nần, trai gái làm ảnh hưởng đến chị cũng như tạo áp lực

khuyến chị mệt mỏi, bản thân A T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo A T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, chị A không biết lý do vì sao đi vay nợ khắp nơi dẫn đến trầm cảm nên mới xin ly hôn A, A đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành nhiều lần hòa giải nhưng A T không có phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi chị A kiên quyết đề nghị ly hôn A T. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và A T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn A T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn A, A T chị A có 02 con chung là Đinh Phi H, sinh ngày 05/3/2010 và Đinh Thế A, sinh ngày 21/01/2015, hiện cháu Hùng đang ở cùng A T còn cháu An ở cùng chị A. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi cháu An còn A T nuôi cháu Hùng. A T tại biên bản lấy lời khai thể hiện trường hợp Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn A thì A đề nghị được nuôi cháu Hùng còn chị A nuôi cháu An không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, tuy nhiên sau đó tại các phiên hòa giải A T thay đổi quan điểm và cho rằng do A không đồng ý ly hôn nên A không có quan điểm gì. Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A nên phải đặt ra giải quyết về quan hệ con chung trong vụ án. Mặc dù A T thay đổi quan điểm nhưng xét thấy thực tế hiện nay cháu Hùng đang ở với A T, cháu có nguyện vọng ở với A, cháu An đang ở với chị A và cháu An có nguyện vọng được ở với chị A nên để đảm bảo sự ổn định của các con cần giao cháu Hùng cho A T nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu An cho chị A nuôi dưỡng chăm sóc, mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A, A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn A Đinh Văn T

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Phi H, sinh ngày 05/3/2010 cho A Đinh Văn T nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Đinh Thế A, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng chăm sóc

đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị A và A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị A, A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004900 ngày 04/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoan Nguyễn Thị Hồng**

**Nguyễn Văn Quân**